

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích, ông Phùng Văn Thi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2001

Nơi ĐKKHKT: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Kim A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Kim A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Kim A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/11/2021 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi tổ chức lễ cưới có được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận từ năm 2021 đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói

chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Kim A xúc phạm chị và gia đình chị M. Chị và anh Kim A đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Kim A.

Về con chung: Chị và anh Kim A có với nhau 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/12/2022 (Hiện nay cháu Q đang ở với chị M tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh). Khi ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Chị không yêu cầu anh Kim A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Kim A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 15/11/2021 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh đi làm tại tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về kinh tế. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/12/2022 (Hiện nay cháu Q đang ở với chị M tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh). Khi ly hôn, anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Minh Q. Về cấp dưỡng nuôi con hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Anh Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án xác minh tại nơi cư trú của anh Kim A, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Kim A đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh Kim A và chị M có chung sống tại địa phương một thời gian sau đó chuyển về Bắc Ninh sinh sống. Thời gian gần đây, khu dân cư thấy anh Kim A vẫn ở địa phương nhưng không thấy chị M và con chung ở cùng anh Kim A. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Kim A và chị M như thế nào thì địa phương không nắm được do không hòa giải ở cơ sở. Anh Kim A và chị M có với nhau 01 con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh năm 2022, hiện nay cháu Q không ở cùng anh Kim A. Nay chị M có đơn yêu cầu ly hôn anh Kim A và giải quyết vấn đề con chung, quan điểm của địa phương là đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp giữa anh Kim A và chị M như thế nào thì địa phương không nắm được cụ thể, đề

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Kim A đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, tại phiên họp và hoà giải anh Kim A không đến Toà án làm việc, tại biên bản về việc không tiến hành hoà giải vụ án ngày 27/3/2025 nguyên đơn là chị M đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Kim A.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/12/2022 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Kim A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả chị M 150.000.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Đỗ Kim A cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay chị Nguyễn Thị M xin ly hôn anh Kim A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Kim A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/11/2021 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi tổ chức lễ cưới có được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng

sinh sống và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận từ năm 2021 đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Chị M và anh Kim A đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị M xin ly hôn, Đỗ Kim A đồng ý.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, đồng thời hai bên đều thuận tình ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M xin được ly hôn đối với anh Đỗ Kim A là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Kim A xác nhận có 01 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/12/2022 (Hiện nay cháu Q đang ở với chị M tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh). Khi ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, anh Kim A cũng đồng ý để chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Do vậy Hội đồng xét xử giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp. Anh Kim A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Xét thấy chị M và anh Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp trong vụ án này là phù hợp.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị M và anh Kim A mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí thuận tình ly hôn. Chị M tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Đề nghị của chị M là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Kim A.

3. Về con chung: Giao con chung Đỗ Minh Q, sinh ngày 07/12/2022 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh Kim A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Kim A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002001, ngày 25/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả lại cho chị M 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Ba;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba
- UBND xã Hanh Cù;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Lan Anh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Thị Lan Anh